

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2025/HS-ST
Ngày 16-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Nhàn;

Ông Lương Thanh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2025/HSST ngày 04 tháng 04 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST-HS ngày 05/5/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn B**, sinh năm 1983 tại Bắc Giang; tên gọi khác: không; nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc L và bà Trịnh Thị L1; có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2009; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 80/2021/HS-ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên (nay là thị xã V) xử phạt Trần Văn B 06 tháng 08 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo được trả tự do tại phiên tòa. Bản án số 56/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang xử phạt Trần Văn B 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/5/2023; nhân thân: Ngày 30/10/2020, Trần Văn B bị Công an xã T, huyện Y (nay là thành phố B) xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo đã nộp phạt ngày 02/11/2020; bị

cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/01/2025 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh B. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Thào A S, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn Cán Cầu, xã Cán Cầu, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

2. Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ : Số I, ngõ A, tổ dân phố G, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn B, sinh năm 1983, trú tại thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang làm công nhân Công ty trách nhiệm hữu hạn C (viết tắt Công ty C), địa chỉ tại Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang từ ngày 07/01/2025 đến ngày 22/01/2025 thì nghỉ việc. Khoảng 08 giờ ngày 24/01/2025, B đến toà nhà xưởng 2 Công ty C để trả thẻ công nhân cho quản lý Công ty. Khi vào Công ty, B đi đến chiếu nghỉ lối cầu thang từ tầng 3 lên tầng 4 xưởng 2 của Công ty, thấy tại đây để nhiều tủ đồ cá nhân của công nhân xưởng 2, xung quanh không có người. Lúc này, B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong tủ đồ của công nhân. B đi đến tủ đồ cá nhân số CG846 của anh Thào A S, sinh năm 1994, trú tại thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai, thấy cánh tủ chỉ khép, không khoá nên dùng tay phải mở cánh cửa tủ thấy bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng, dung lượng 64GB, lắp 01 thẻ sim là tài sản của anh S. B dùng tay lấy trộm điện thoại di động trên của anh S đút vào túi quần đang mặc rồi khép cánh tủ lại như ban đầu. Tiếp đó, B đi đến tủ đồ số CG596 của anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố G, Thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội, kiểm tra thấy tủ đồ đã khóa. Lúc này, B dùng tay phải cầm vào hõm cánh tủ rồi giật mạnh, thì lẫy khóa bị trượt khỏi ổ khóa tủ, cánh tủ mở ra. B thấy bên trong tủ có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 màu vàng, dung lượng 128GB, vỏ ốp bằng nhựa, bên trong lắp 01 thẻ sim là tài sản của anh T. B dùng tay lấy trộm điện thoại di động Samsung trên của anh T đút vào túi quần đang mặc và khép cánh tủ lại. Sau đó, B bỏ đi khỏi Công ty, đem điện thoại trộm cắp về nhà cất giấu, trên đường về nhà, B tháo thẻ sim trong điện thoại Samsung của anh T ra vứt đi. Cùng ngày 24/01/2025, khi hết giờ làm việc, anh Nguyễn Mạnh T và anh Thào A S ra tủ để đồ lấy điện thoại do động thì phát hiện đã bị trộm cắp. Ngày 25/01/2025, anh T và anh S đã làm đơn trình báo Đoàn Công an Quang Châu thị xã V việc bị trộm cắp điện thoại di động nêu trên khi để ở tủ đồ tại Công ty C vào ngày 24/01/2025.

Ngày 26/01/2025, biết hành vi trộm cắp tài sản đã bị phát hiện Trần Văn B đến Đoàn Công an Q đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình đồng thời đã giao nộp: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 màu vàng, dung lượng

128GB, vỏ ốp bằng nhựa; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng, dung lượng 64GB, lắp 01 thẻ sim số 0878.043.507. Sau đó, Đoàn Công an Q đã chuyển Trần Văn B cùng vật chứng, tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V để điều tra theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra cho Trần Văn B chỉ vị trí trộm cắp điện thoại di động, kết quả B đã chỉ đúng vị trí trộm cắp điện thoại di động là tủ đồ cá nhân của anh T và anh S tại Công ty C. Cơ quan điều tra kiểm tra 02 điện thoại thu giữ của B giao nộp khi đầu thú, kết quả mật khẩu mở màn hình điện thoại và trong điện thoại có dữ liệu trùng khớp với anh T, anh S trình báo.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được tại C lắp đặt tại cầu thang tầng 3 lên tầng 4 xưởng 2 Công ty C toàn bộ hình ảnh video ghi lại việc B mở tủ đồ rồi trộm cắp điện thoại di động của anh T, anh S vào ngày 24/01/2025 như nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 15 ngày 27/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã V đã định giá và kết luận trị giá tài sản B chiếm đoạt của anh T và anh S vào ngày 24/01/2025, cụ thể: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S23 màu vàng, dung lượng 128 GB, trị giá: 7.000.000 đồng; 01 chiếc ốp nhựa điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S23 trị giá 20.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng, dung lượng 64GB, trị giá 500.000 đồng; 02 sim phôi điện thoại của anh T và anh S lắp trong điện thoại bị trộm cắp là 70.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là: 7.590.000 đồng.

Đối với thẻ sim điện thoại của anh Nguyễn Mạnh T, B khai không nhớ chỗ vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại 02 điện thoại thu giữ nêu trên cho anh Nguyễn Mạnh T và Thào A S. Hiện tại anh Nguyễn Mạnh T và Thào A S không yêu cầu bị can bồi thường dân sự.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 03/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Trần Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

HDXX công bố lời khai của bị hại vắng mặt tại phiên tòa.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Trần Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 26/01/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, xin HĐXX cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ và được lưu trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có vi phạm gì. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trần Văn B đang có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Khoảng 08 giờ ngày 24/01/2025, tại đây tử để đồ công nhân ở khu vực chiếu nghỉ lối cầu thang từ tầng

3 lên tầng 4 xưởng 2 Công ty trách nhiệm hữu hạn C, thuộc Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Trần Văn B đã lén lút mở 02 tủ để đồ rồi trộm cắp được của anh Thào A S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng, dung lượng 64GB, lắp 01 thẻ sim, trị giá 535.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Garaxy S23 màu vàng, dung lượng 128GB, vỏ ốp bằng nhựa, lắp 01 thẻ sim, trị giá 7.055.000 đồng của anh Nguyễn Mạnh T. Tổng trị giá tài sản B trộm cắp được là 7.590.000 đồng. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, B đã đến Công an đầu thú và giao nộp tài sản trộm cắp để trả lại bị hại.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo là người có 02 tiền án về tội “trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nay lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 03/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Trần Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Trần Văn B có nhân thân xấu, có 2 tiền án và đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện giao nộp lại tài sản để trả lại cho bị hại, bị cáo có bố để tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa mà nay tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo nên HĐXX thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bị cáo không có tài sản, hiện đang bị tạm giam, không có thu nhập ổn định nên HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả lại 02 chiếc điện thoại cho bị hại anh Nguyễn Mạnh T và Thào A S. Hiện tại anh Nguyễn Mạnh T và Thào A S đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Kết quả điều tra xác định 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng, dung lượng 64GB, lắp 01 thẻ sim là tài sản hợp pháp của của anh Thào A S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 màu vàng, dung lượng 128GB, vỏ ốp bằng nhựa, bên trong lắp 01 thẻ sim là tài sản của anh Nguyễn Mạnh T nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản này cho anh T và anh S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn B 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 26/01/2025.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Văn Nhàn

Lương Thanh Văn

Nguyễn Linh Chi